ĐẶC TẢ USECASE

CHO HỆ THỐNG BÁN ĐỒ ĂN

GVLT: Lê Xuân Định

GVTH: Trương Phước Lộc

**Tên Usecase: Tìm kiếm (UC4)**

1. **Mục đích:** Cho phép người dùng tìm kiếm món ăn, quán ăn, địa điểm quán ăn mà bạn mong muốn.
2. **Tác nhân, mô tả chung:**

* Tác nhân: Khách hàng
* Mô tả chung: Khi người dùng muốn tìm kiếm món ăn, quán ăn mà mình muốn thì người dùng ghi vào thanh tìm kiếm hệ thống sẽ hiển thị món ăn mà người dùng muốn.

1. **Luồng sự kiện chính:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động của khách** | **Phản hồi của hệ thống** |
| 1. Gõ tên món ăn, quán ăn mà khách hang muốn tìm. | 1. Hiển thị những gợi ý có liên quan đến những gì người dùng ghi. |
| 1. Xem những gì hệ thống hiển thị có đúng như những gì mình muốn hay không. |  |
| 1. Click vào xem thông tin của món ăn, quán ăn. | 1. Hiển thị thông tin chi tiết món ăn, quán ăn người dùng lựa chọn. |

1. **Luồng thay thế:** Nếu người dùng nhập không đúng tên món ăn, quán ăn hay nhập tên món ăn, quán ăn không có trong hệ thống. Hệ thống sẽ không hiển thị dữ liệu ra cho người dùng.
2. **Điều kiện trước:** Nhập tên những gì cần tìm kiếm.
3. **Điều kiện sau:** Hiển thị danh sách các gợi ý có liên quan đến những gì người dùng ghi.

**Tên Usecase: Thanh toán (UC5)**

1. **Mục đích:** Trả tiền trực tuyến cho những món ăn mà người dùng đặt trên hệ thống. Sau khi thanh toán món ăn sẽ được vận chuyển đến cho người dùng.
2. **Tác nhân, mô tả chung:**

* **Tác nhân:**  Khách hàng, hệ thống ngân hàng, admin hệ thống.
* **Mô tả chung:** Khách hàng trả tiền cho những món ăn mình đặt trên hệ thống. Có thể chọn thanh toán trực tuyến hoặc thanh toán trả sau.

1. **Luồng sự kiện chính:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động của khách** | **Phản hồi của hệ thống** |
| 1. Lựa chọn món ăn cần mua. | 1. Đưa món ăn của người dùng vào giỏ đồ |
| 1. Đăng nhập tài khoản hoặc nhập thông tin cần thiết cho việc giao hàng : địa chỉ nhận hàng, số điện thoại, email. |  |
| 1. Lựa chọn hình thức thanh toán. | 1. Thanh toán trả sau thì hệ thống sẽ gửi email xác nhận cho người dùng.   Thanh toán trả trước hệ thống hiển thị việc lựa chọn thẻ thanh toán. |
| 1. Lựa chọn loại thẻ thanh toán, nhập mã thẻ, tên chủ thẻ, ngày lập thẻ. | 1. Ngân hàng xác nhận thẻ và cho người dùng thanh toán. |
|  | 1. Addmin lên đơn hàng để giao cho người dùng. |

1. **Luồng thay thế:** Người dùng chọn mua món hàng nhưng không thanh toán mà thoát ra. Khi vào hệ thống lại trong giỏ hàng của người dùng vẫn còn những món hàng đã đặt trước.
2. **Điều kiện trước:** Chọn mua món ăn.
3. **Điều kiện sau:** Món ăn sẽ được vận chuyển đến cho người dùng sau khi thanh toán.

**Tên Usecase: Đăng tin(UC6)**

1. **Mục đích:** Cho phép admin đăng món ăn vào hệ thống.
2. **Tác nhân, mô tả chung:**

* **Tác nhân:** Admin
* **Mô tả chung:** Admin đăng món ăn cần bán lên hệ thống.

1. **Luồng sự kiện chính:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động của admin** | **Phản hồi của hệ thống** |
| 1. Admin đăng nhập vào hệ thống. | 1. Đăng nhập thành công và cho sử dụng chức năng của admin. |
| 1. Lựa chọn chức năng đăng tin.   Lựa chọn loại tin muốn đăng : thông báo, món ăn mới. | 1. Hiển thị ra form thông tin để đăng tin mới lên hệ thống. |
| 1. Điền đầy đủ thông tin vào form mẫu. Và chọn upload để đưa bài viết mới lên. | 1. Hiển thị tin mới lên hệ thống |

1. **Luồng thay thế:**

* Nếu khi bấm vào đăng tin mà admin chưa đăng nhập thì yêu cầu khách hàng đăng nhập.
* Admin nhập sai thông tin cần đăng, bắt nhập lại cho đúng.

1. **Điều kiện trước:** Đã đăng nhập vào hệ thống với chức năng của admin.
2. **Điều kiện sau:** Món ăn mới, hay thông báo mới được đăng lên hệ thống.

**Tên Usecase: Hủy đơn hàng(UC7)**

1. **Mục đích:** Hủy đơn hàng đã đặt trên hệ thống.
2. **Tác nhân, mô tả chung:**

* **Tác nhân:** Khách hàng, admin.
* **Mô tả chung:** Khách hàng yêu cầu admin hủy đơn hàng đã đặt trên hệ thống.

1. **Luồng sự kiện chính:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành động của khách hàng** | **Phản hồi của admin** | **Phản hồi của hệ thống** |
| Gọi điện thoại đến admin yêu cầu hủy đơn hàng đưa mã đơn hàng cho admin. | Xác nhận đơn hàng có trong hệ thống hay không. |  |
|  | Hủy đơn hàng trong hệ thống. |  |
|  |  | Xóa hóa đơn ra khỏi hệ thống. Thông báo thành công/thất bại. |
|  | Admin điện thoại thông báo cho khách hàng biết hóa đơn đã được xóa chưa. |  |

1. **Luồng thay thế:**

* Không tìm thấy mã hóa đơn mà người dùng cung cấp.
* Hệ thống xóa hóa đơn không thành công vì người dùng hủy đơn hàng trước 1 tiếng trước khi vận chuyển.

1. **Điều kiện trước:** Đơn hàng phải có trong hệ thống.
2. **Điều kiện sau:** Đơn hàng được hủy.